

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-5-2018
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Cẩm V** – sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện V, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Phước C** – sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2018 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm V trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Lê Phước C do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào ngày 19 tháng 10 năm

1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh L vào năm 1988 nhưng do bị thất lạc nên chị có đến Ủy ban nhân dân xã H xin cấp bản sao trích lục giấy chứng nhận kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H trích lục không còn sổ đăng ký kết hôn và phòng Tư pháp huyện V truy lục kết quả truy lục sổ đăng ký kết hôn của xã H năm 1988 mất bộ tìm không thấy thông tin về giấy chứng nhận kết hôn của chị Lê Thị Cẩm V và anh Lê Phước C nên phòng Tư pháp huyện V không có cơ sở để cấp bản sao trích lục giấy chứng nhận kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình cha mẹ chồng tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh L. Đến tháng 11 năm 1989 vợ chồng trở về nhà cha mẹ ruột chị tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh L cất nhà trên đất cha mẹ chị sống riêng tự lập. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm, tình trạng mâu thuẫn kéo dài không cải thiện được. Chị và anh C không còn sống chung từ năm 2000 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Phước C.

- *Con chung*: Trong đời sống chung vợ chồng anh chị có một con chung tên Lê Thị Thu T, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1991 hiện con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Các khoản nợ chung phải thu, phải trả*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 12 tháng 4 năm 2018 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Lê Phước C trình bày:**

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Lê Thị Cẩm V do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1988 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh L vào năm 1988 do bị thất lạc nên anh có đến Ủy ban nhân dân xã H xin cấp bản sao trích lục giấy chứng nhận kết hôn nhưng do Ủy ban nhân dân xã H không còn sổ đăng ký kết hôn nên không có cơ sở để cấp bản sao trích lục giấy chứng nhận kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình anh tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh L. Đến tháng 11 năm 1989 vợ chồng trở về nhà cha mẹ chị V tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh L cất nhà sống riêng tự lập. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm. Anh và chị V không còn sống chung từ năm 2000 đến nay.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị V thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- *Con chung*: Trong đời sống chung vợ chồng anh chị có một con chung tên Lê Thị Thu T, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1991 hiện con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Các khoản nợ chung phải thu, phải trả*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2018; giấy chứng minh nhân dân bản sao; sổ hộ khẩu bản sao; công văn số 246/PTP ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc xác nhận kết quả yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch bản gốc, giấy khai sinh bản sao, tờ cam kết ly hôn bản gốc, đơn xin xác nhận đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn Lê Phước C.

Bị đơn đã nộp: bảng khai ý kiến ngày 12 tháng 4 năm 2018, giấy chứng minh nhân dân bản photo.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Lê Thị Cẩm V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh L giải quyết ly hôn giữa chị và anh Lê Phước C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[2] Về nội dung vụ án:

- Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Cẩm V và anh Lê Phước C là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Mặc dù hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào ngày 19 tháng 10 năm 1988 anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H năm 1988. Theo chị V và anh C trình bày hiện nay giấy đăng ký kết hôn không còn. Tại công văn số 246/PTP ngày 02 tháng 4 năm 2018 “về việc xác nhận kết quả yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch” phòng Tư pháp huyện V không tìm thấy thông tin về giấy chứng nhận kết hôn của ông bà nên không có cơ sở để cấp bản sao trích lục giấy chứng nhận kết hôn từ sổ đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao chứng từ gốc. Theo chị V và anh C trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung từ năm 2000 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị V và anh C thuận tình ly hôn nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý không công nhận chị V và anh C là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

- Con chung: Chị Lê Thị Cẩm V và anh Lê Phước C thống nhất xác định anh chị có một người con chung tên Lê Thị Thu T – sinh ngày 10 tháng 02 năm 1991 hiện con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Chị Lê Thị Cẩm V và anh Lê Phước C thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

- Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Lê Thị Cẩm V và anh Lê Phước C thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Cẩm V nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:**

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Lê Thị Cẩm V và anh Lê Phước C là vợ chồng.

[2] Con chung: Chị Lê Thị Cẩm V và anh Lê Phước C thống nhất xác định anh chị có một người con chung tên Lê Thị Thu T – sinh ngày 10 tháng 02 năm 1991 hiện con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tài sản chung: Chị Lê Thị Cẩm V và anh Lê Phước C thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Lê Thị Cẩm V và anh Lê Phước C thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Cẩm V nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008817 ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui